

BÀI TẬP LỚP 2

Thứ sáu ngày 27 tháng 3 năm 2020

MÔN TIẾNG VIỆT

Tập đọc

Cò và Cuốc

Đọc bài : Cò và Cuốc trong SGK trang 37 rồi trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Thấy Cò lội ruộng Cuốc hỏi Cò thế nào?

- A . Cò làm gì thế ?
- B .Chị Cò bắt tép không sợ bùn bẩn sao?
- C .Chị bắt tép vất vả thế, chẳng sợ bùn bẩn hết áo trắng sao ?

Câu 2: Cò bắt tép ở đâu?

- A . dưới ao
- B . trên ruộng
- C . trong hồ

Câu 3: Khi nghe Cuốc hỏi Cò trả lời với thái độ như thế nào?

- A. vui vẻ
- B. bực bội
- C. ngại ngùng

Câu 4: Cuốc gọi cò bằng gì?

- A. Chị
- B. Anh
- C. Bác

Câu 5: Kiếm ăn xong, Cò làm gì?

- A. Đi bơi
- B. Đi chơi
- C. Đi tắm

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ : Từ ngữ về loài chim – Dấu chấm, dấu phẩy

Câu 1: Em hãy xem tranh trong SGK trang 35 và viết tên các loài chim đó:

(đại bàng, cú mèo, chim sẻ, sáo sậu, cò, chào mào, vẹt)

Tranh 1:

Tranh 2:

Tranh 3:

Tranh 4:

Tranh 5:

Tranh 6:

Tranh 7:

Câu 2: Em hãy chọn tên loài chim (cho bên dưới) thích hợp với mỗi chỗ trống dưới đây:

a) Đen như.....

b) Hôi như.....

c) Nhanh như

d) Nói như.....

e) Hót như.....

(vẹt, quạ, khướu, cắt, cú)

Câu 3: Chép lại đoạn văn dưới đây cho đúng chính tả sau khi thay ô trống bằng dấu chấm hoặc dấu phẩy:

Ngày xưa có đôi bạn là Diệc và Cò Chúng thường cùng ở cùng ăn cùng làm việc và đi chơi cùng nhau Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng.

CHÍNH TẢ: (Nghe - viết)

Cò và Cuốc

Nhờ PH đọc cho các bé viết bài **Cò và Cuốc** (từ đầu đến ngại gì bản hờ chi ?)

Bài tập 1: Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau:

a) - riêng, giêng

- dơi, rơi

- dạ, rạ

VD: riêng lẻ,...

b) - rẻ, rẽ

- mở, mỡ

- củ, cũ

VD: mở cửa, mỡ hành

Bài 2: Thi tìm nhanh

a) Các tiếng bắt đầu bằng d (hoặc r, gi):

b) Các tiếng có thanh hỏi (hoặc thanh ngã):

Thứ sáu ngày 27 tháng 3 năm 2020

ĐÁP ÁN - MÔN TIẾNG VIỆT

Tập đọc

Cò và Cuốc

Đọc bài : Cò và Cuốc trong SGK trang 37 rồi trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Thấy Cò lội ruộng Cuốc hỏi Cò thế nào?

C .Chị bắt tép vất vả thế, chẳng sợ bùn bắn hết áo trắng sao ?

Câu 2: Cò bắt tép ở đâu?

B . trên ruộng

Câu 3: Khi nghe Cuốc hỏi Cò trả lời với thái độ như thế nào?

A .vui vẻ

Câu 4: Cuốc gọi cò là gì?

A. Chị

Câu 5: Kiếm ăn xong, Cò làm gì?

C . Đi tắm

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ : Từ ngữ về loài chim – Dấu chấm, dấu phẩy

Câu 1: Em hãy xem tranh trong SGK trang 35 và viết tên các loài chim đó:

(đại bàng, cú mèo, chim sẻ, sáo sậu, cò,chào mào, vẹt)

Tranh 1: Chào mào

Tranh 2: Chim sẻ

Tranh 3: Cò

Tranh 4: Đại bàng

Tranh 5: Vẹt

Tranh 6: Sáo sậu

Câu 2: Em hãy chọn tên loài chim (cho bên dưới) thích hợp với mỗi chỗ trống dưới đây:

- a) Đen như quạ
 - b) Hôi như cú
 - c) Nhanh như cắt
 - d) Nói như khướu
 - e) Hót như vẹt
- (vẹt, quạ, khướu, cắt, cú)

Câu 3: Chép lại đoạn văn dưới đây cho đúng chính tả sau khi thay ô trống bằng dấu chấm hoặc dấu phẩy:

Ngày xưa có đôi bạn là Diệc và Cò. Chúng thường cùng ở, cùng ăn, cùng làm việc và đi chơi cùng nhau. Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng.

CHÍNH TẢ: (Nghe - viết)

Cò và Cuốc

Cò đang lội ruộng bắt tép. Cuốc thấy vậy từ trong bụi rậm lần ra, hỏi:

- Chị bắt tép vất vả thế, chẳng sợ bùn bắn bẩn hết áo trắng sao?

Cò vui vẻ trả lời:

- Khi làm việc ngại gì bẩn hở chị?

Bài tập 1: Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau:

a) - riêng, giêng: riêng lẻ, tháng giêng, ...

- dơi, rơi: con dơi, lá rơi, ...

- dạ, rạ: vâng dạ, rơm rạ, ...

b) - rẻ, rẽ: giá rẻ, chia rẽ, ...

- mở, mõ: mở cửa, thịt mõ, ...

- củ, cũ: củ khoai, đồ cũ, ...

Bài 2: Thi tìm nhanh

c) Các tiếng bắt đầu bằng d (hoặc r, gi):

dao, rau, giăng (bài), dài, (con) ruồi, giải (toán), ...

d) Các tiếng có thanh hỏi (hoặc thanh ngã):

biển, đỏ, bưởi, vỡ, muỗi, (xin) lỗi, nghĩ,

